

Số: /2026/TT-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**DỰ THẢO 2**

**THÔNG TƯ**

**Quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm  
quản lý nhà nước của Bộ Công Thương**

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 18 tháng 6 năm 2025*

*Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công;*

*Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về quản lý chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương được quy định tại Điều 94 Nghị định số 37 ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, xuất khẩu sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

3. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp có đủ điều kiện, nhu cầu tham gia hoạt động đánh giá sự phù hợp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

### **Điều 3. Nguyên tắc và phương pháp xác định mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa**

1. Việc xác định mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- a) Căn cứ vào bằng chứng khoa học và dữ liệu áp dụng trong thực tiễn;
- b) Khả năng quản lý của cơ quan nhà nước trong từng thời kỳ;
- c) Bảo đảm tính minh bạch, khách quan, kế thừa nguyên tắc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- d) Bảo đảm nguyên tắc tỷ lệ, yêu cầu quản lý nhà nước phải tương xứng với mức độ rủi ro;
- đ) Áp dụng nguyên tắc phòng ngừa trong trường hợp có nguy cơ nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng con người, môi trường hoặc an ninh quốc gia mà chưa có đầy đủ bằng chứng khoa học.

#### **2. Phân loại rủi ro**

Sản phẩm, hàng hóa được phân loại theo ba mức độ rủi ro sau đây:

- a) Nhóm rủi ro cao: sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro nguy hại lớn và khả năng xảy ra rủi ro cao, có thể gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng nếu không có biện pháp quản lý phù hợp
- b) Nhóm rủi ro trung bình: sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro nguy hại hoặc khả năng xảy ra rủi ro ở mức trung bình, có thể gây ảnh hưởng đáng kể nếu không có biện pháp quản lý phù hợp;
- c) Nhóm rủi ro thấp: sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro nguy hại nhỏ hoặc khả năng xảy ra rủi ro thấp, hầu như không gây ảnh hưởng đáng kể trong điều kiện kiểm soát hoặc sử dụng thông thường.

#### **3. Phương pháp xác định mức độ rủi ro**

Phương pháp xác định mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa được quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 37 ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

### **Điều 4. Xây dựng Danh mục sản phẩm, hàng hóa theo mức độ rủi ro**

1. Trên cơ sở các nguyên tắc, phương pháp và trình tự xác định mức độ rủi ro quy định tại Thông tư này, Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm:

- a) Rà soát, đánh giá mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý;
- b) Xây dựng Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao kèm theo mã số HS phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, gắn với yêu cầu quản lý chất lượng tương ứng.

Hàng năm, các đơn vị căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu quản lý bao gồm cả việc phát sinh sản phẩm, công nghệ mới, cảnh báo trong nước và quốc tế về rủi ro sản phẩm, hàng hóa để rà soát, cập nhật, bổ sung Danh mục sản phẩm,

hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình và mức độ rủi ro cao thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm công khai, minh bạch và phù hợp với quy định pháp luật.

c) Gửi Danh mục và Hồ sơ xây dựng danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công.

d) Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng với các sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục quy định tại khoản này theo lộ trình phù hợp, bảo đảm sự thống nhất và thuận lợi cho các đối tượng trong quá trình sử dụng.

Việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật tương ứng cho sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao được thực hiện theo quy định pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

2. Các đơn vị khi thực hiện xác định sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao phải bảo đảm:

a) Việc phối hợp, giám sát, thống nhất quản lý rủi ro được thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

b) Với mỗi sản phẩm, hàng hóa cần thực hiện đánh giá mức độ rủi ro với từng mối nguy và lựa chọn mối nguy có điểm mức độ rủi ro cao nhất để làm căn cứ đánh giá mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa đó.

3. Hồ sơ ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao bao gồm:

a) Thuyết minh lý do đưa sản phẩm, hàng hóa vào danh mục quản lý, nêu rõ căn cứ khoa học, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế;

b) Báo cáo đánh giá rủi ro gồm các nội dung: mô tả sản phẩm, hàng hóa và phạm vi sử dụng; ý kiến tham vấn của các tổ chức, cá nhân liên quan, hiệp hội ngành hàng, tổ chức khoa học và công nghệ; phân tích mối nguy, tác động, hệ số tác động và xác định mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa; thông tin cảnh báo từ cơ quan có thẩm quyền và tổ chức quốc tế; phân loại mức độ rủi ro và kiến nghị biện pháp quản lý.

4. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công có trách nhiệm:

a) Đầu mối tổng hợp, tham mưu Lãnh đạo Bộ ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

b) Chủ trì, phối hợp giám sát việc xác định và quản lý rủi ro, bảo đảm thống nhất, không chồng chéo giữa các đơn vị.

## **Điều 5. Cơ chế cập nhật, chia sẻ thông tin lên Cơ sở dữ liệu quốc gia**

1. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công là đơn vị đầu mối của Bộ Công Thương có trách nhiệm:

- Cập nhật và chia sẻ thông tin, dữ liệu về Danh mục sản phẩm, hàng hóa thuộc mức độ rủi ro trung bình và mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương phạm lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng;

- Báo cáo tiến độ xây dựng, thực hiện các thành phần trong hạ tầng chất lượng quốc gia.

2. Các đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm:

a) Cập nhật và chia sẻ thông tin, dữ liệu về sản phẩm hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình và mức độ rủi ro cao thuộc lĩnh vực được phân công quản lý (bao gồm kết quả kiểm tra, giám sát, hậu kiểm, đánh giá sự phù hợp và số liệu, cảnh báo về sản phẩm, hàng hóa vi phạm) lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

Việc cập nhật được thực hiện định kỳ hàng quý, trước ngày 25 của tháng cuối quý nếu có thay đổi; đột xuất khi có yêu cầu hoặc phát sinh cảnh báo khẩn cấp.

b) Khai thác, sử dụng dữ liệu thống nhất trong xây dựng Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, rủi ro cao, giám sát, kiểm tra thị trường;

3. Đối với sản phẩm, hàng hóa có chứa bí mật nhà nước thì không phải thực hiện việc cập nhật thông tin, báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát, kiểm tra sau lưu thông (hậu kiểm) trên cơ sở dữ liệu.

#### **Điều 6. Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá**

1. Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá của Bộ Công Thương là các Cục, Vụ quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa có trách nhiệm:

a) Thực hiện kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo đúng chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm khách quan, minh bạch, không gây cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp;

b) Thu thập, cập nhật, chia sẻ thông tin, dữ liệu kiểm tra với Cơ sở dữ liệu quốc gia và phối hợp với các cơ quan có liên quan trong xử lý vi phạm;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm tra, kết luận và quyết định xử lý của mình.

#### **Điều 7. Phân công trách nhiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá**

1. Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Bộ Công Thương có trách nhiệm tổ chức kiểm tra đối với sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường theo lĩnh vực được phân công, bảo đảm thực hiện trên cơ sở quản lý rủi ro, khách quan, minh bạch và không cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp.

2. Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa được quyết định và tổ chức kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất; xử lý vi phạm trong phạm vi thẩm quyền; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bộ trưởng Bộ Công Thương về kết quả kiểm tra, kết luận và quyết định xử lý.

3. Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa phải được phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan kiểm tra chuyên ngành, cơ quan hải quan, quản lý thị trường, công an và lực lượng chức năng khác; kết quả kiểm tra, thông tin cảnh báo rủi ro phải được cập nhật, chia sẻ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các hệ thống chuyên ngành có liên quan.

4. Cục Đồi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công chủ trì, phối hợp với các đơn vị xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành quy chế kiểm tra, phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Bộ Công Thương.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

#### **Mục 1. BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

**Điều 9. Bảo đảm chất lượng sản phẩm trong sản xuất trước khi đưa ra thị trường trong nước**

Việc đảm bảo chất lượng sản phẩm trong sản xuất trước khi đưa ra thị trường trong nước thực hiện theo quy định tại Điều 66 Mục 1 Chương VI Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ, các quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

**Điều 10. Bảo đảm chất lượng hàng hoá nhập khẩu trước khi đưa ra thị trường**

Việc đảm bảo chất lượng hàng hoá nhập khẩu trước khi đưa ra thị trường thực hiện theo quy định tại Điều 68 Mục 1 Chương VI Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ, các quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

**Điều 11. Bảo đảm chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường**

Việc đảm bảo chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường thực hiện theo quy định tại Điều 69 Mục 1 Chương VI Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ, các quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

**Điều 12. Bảo đảm chất lượng hàng hóa kinh doanh trên nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử**

1. Việc đảm bảo chất lượng hàng kinh doanh trên nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 70 Mục 1 Chương VI Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ, các quy

định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Cục Thương mại Điện tử và Kinh tế số chịu trách nhiệm thực hiện theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 94 Chương VII Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

### **Điều 13. Quản lý chất lượng hàng hóa xuất khẩu**

1. Việc quản lý chất lượng hàng xuất khẩu thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương III Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Cục Xuất nhập khẩu chịu trách nhiệm hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện theo quy định.

## **Mục 2. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP PHỤC VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

### **Điều 14. Điều kiện chỉ định Tổ chức đánh giá sự phù hợp**

Điều kiện của Tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện theo quy định tại Điều 72 Mục 2 Chương VI Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

### **Điều 15. Hồ sơ đăng ký chỉ định**

1. Cơ quan tiếp nhận Hồ sơ

Đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Bộ Công Thương

2. Thành phần Hồ sơ

Hồ sơ đăng ký chỉ định thực hiện theo quy định tại Điều 73 Mục 2 Chương VI Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

### **Điều 16. Hình thức nộp hồ sơ**

Tổ chức đánh giá sự phù hợp, tổ chức kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng khi có nhu cầu tham gia hoạt động thử nghiệm, chứng nhận, kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực cụ thể lập 01 bộ hồ sơ đăng ký chỉ định, nộp theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (sau đây viết tắt là cơ quan chỉ định).

Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức đánh giá sự phù hợp nộp hồ sơ bản giấy theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

### **Điều 17. Trình tự thủ tục chỉ định**

1. Trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện theo quy định tại Điều 75 Mục 2 Chương VI Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

2. Đoàn đánh giá tổ chức đánh giá sự phù hợp

a) Tùy thuộc nội dung cần đánh giá thực tế, đoàn đánh giá bao gồm tối thiểu 05 thành viên, trong đó: 01 Trưởng đoàn đánh giá (đại diện Lãnh đạo Cục, Vụ quản lý ngành lĩnh vực), 01 Phó đoàn đánh giá (đại diện Cục, Vụ quản lý ngành lĩnh vực), 01 Thư ký (Chuyên viên Cục, Vụ quản lý ngành lĩnh vực) và 02 Chuyên gia (đại diện các đơn vị thuộc Bộ Công Thương hoặc chuyên gia độc lập bên ngoài). Trường hợp vắng mặt Trưởng đoàn đánh giá, Phó trưởng đoàn đánh giá được thay thế điều hành các nội dung đánh giá thực tế. Chuyên gia độc lập bên ngoài phải được đào tạo về hệ thống quản lý chất lượng tương ứng với từng loại hình tổ chức đánh giá sự phù hợp đăng ký chỉ định.

b) Việc đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp phải được thông báo bằng văn bản cho tổ chức đánh giá sự phù hợp đã nộp hồ sơ đăng ký biết. Kết thúc việc đánh giá, đoàn đánh giá tiến hành lập Biên bản đánh giá theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp, tổ chức đánh giá sự phù hợp phải khắc phục các nội dung quy định trong biên bản đánh giá thực tế, trong thời hạn không quá 30 ngày, tổ chức đánh giá sự phù hợp phải gửi báo cáo kết quả hành động khắc phục về cơ quan chỉ định. Trường hợp các nội dung cần khắc phục phải kéo dài thêm thời hạn thì tổ chức đánh giá sự phù hợp báo cáo với cơ quan chỉ định bằng văn bản và nêu rõ thời hạn chính thức hoàn thành việc khắc phục các nội dung trên, thời gian phải gửi báo cáo kết quả hành động khắc phục về cơ quan chỉ định tối đa không quá 06 tháng.

c) Nội dung đánh giá thực tế thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 75 Mục 2 Chương VI Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

d) Chi phí phục vụ hoạt động đánh giá của chuyên gia hoặc đoàn đánh giá do tổ chức đánh giá sự phù hợp đăng ký chỉ định bảo đảm.

3. Việc từ chối chỉ định, Bộ Công Thương phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức đánh giá sự phù hợp. Mẫu thông báo về việc không phù hợp của hồ sơ đăng ký chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này

### **Điều 18. Thu hồi quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp**

#### **1. Cơ quan thực hiện thu hồi quyết định chỉ định**

Đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Bộ Công Thương (đơn vị đã thực hiện cấp quyết định chỉ định).

2. Thu hồi quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện theo quy định tại Điều 76 Mục 2 Chương VI Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

## **Mục 3. KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VÀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA LƯU THÔNG TRÊN THỊ TRƯỜNG**

**Điều 19. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất**

1. Việc kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất (sau đây gọi tắt là kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất) thực hiện theo quy định tại Điều 79 Mục 3 Chương VI Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

2. Hằng năm, Cục Đồi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công hướng dẫn, đầu mối tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ ban hành kế hoạch kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất căn cứ vào mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa.

3. Hằng năm, các đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực tiến hành xây dựng, lập kế hoạch kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất căn cứ vào mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và căn cứ vào các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 79 Mục 3 Chương VI Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ và gửi về Cục Đồi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công để tổng hợp.

**Điều 20. Thành lập và hoạt động của Đoàn kiểm tra**

Việc thành lập và hoạt động của Đoàn kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 80 Mục 3 Chương VI Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

**Điều 21. Trình tự, thủ tục và xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất**

Trình tự, thủ tục và xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất được quy định tại Điều 81 Mục 3 Chương VI Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

**Điều 22. Kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu**

Việc kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất (sau đây gọi tắt là kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất) thực hiện theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Mục 3 Chương VI Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

**Điều 23. Tăng cường tần suất kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu**

1. Hàng hóa nhập khẩu quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Luật số 78/2025/QH15 phải áp dụng biện pháp kiểm tra tăng cường được quy định tại khoản 1 Điều 84 Mục 3 Chương VI Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

2. Cơ quan kiểm tra thuộc Bộ Công Thương (các Vụ, Cục quản lý ngành, lĩnh vực) có trách nhiệm:

a) Theo dõi, tổng hợp, cập nhật và công bố danh sách quốc gia, vùng lãnh thổ bị cảnh báo có mức độ rủi ro cao về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu trên Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc hệ thống thông tin chuyên ngành theo quy định;

b) Thu thập, quản lý và cập nhật thông tin về lịch sử tuân thủ của tổ chức, cá nhân nhập khẩu để phục vụ việc phân loại mức độ rủi ro trong kiểm tra chất lượng;

c) Tổ chức thực hiện biện pháp tăng cường tần suất kiểm tra đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Điều này và các quy định có liên quan.

d) Tổng hợp các thông tin tại khoản này để xác định, công bố, cập nhật danh sách tổ chức, cá nhân không được tiếp tục áp dụng chế độ giảm kiểm tra trên hệ thống giám sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

Trường hợp sử dụng hệ thống thông tin chuyên ngành hoặc Cổng thông tin một cửa quốc gia thì các hệ thống này phải được kết nối, chia sẻ dữ liệu tự động với hệ thống giám sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa quốc gia, bảo đảm dữ liệu thống nhất, không trùng lặp.

#### **Điều 24. Xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao**

Việc xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao thực hiện theo quy định tại Điều 85 Mục 3 Chương VI Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

#### **Điều 25. Miễn, giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao; không phải thực hiện lại việc công bố hợp quy đối với hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro trung bình**

Việc miễn, giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao; không phải thực hiện lại việc công bố hợp quy đối với hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro trung bình thực hiện theo quy định tại Điều 86 Mục 3 Chương VI Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

#### **Điều 26. Kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa xuất khẩu và xử lý vi phạm**

Việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa xuất khẩu và xử lý vi phạm thực hiện theo quy định tại Điều 87 Mục 3 Chương VI Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

#### **Điều 27. Kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường**

Việc kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường thực hiện theo quy định tại Điều 88 Mục 3 Chương VI Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

#### **Điều 28. Trình tự, thủ tục kiểm tra và xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường**

Trình tự, thủ tục kiểm tra và xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường được quy định tại Điều 89 Mục 3 Chương VI Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

### **Điều 29. Khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa**

1. Nội dung hoạt động khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa bao gồm:

a) Lấy mẫu ngẫu nhiên sản phẩm, hàng hóa để thử nghiệm, đánh giá sự phù hợp chỉ nhằm mục đích tham khảo, phân tích rủi ro, không sử dụng trực tiếp làm căn cứ xử phạt nhưng được sử dụng làm cơ sở xem xét, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, hậu kiểm theo quy định tại Nghị định này;

b) Kiểm tra, đối chiếu thông tin về nhãn hàng hóa, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy, mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc;

c) So sánh, đối chiếu thông tin công bố áp dụng với thực tế sản phẩm, hàng hóa lưu thông.

2. Trường hợp kết quả khảo sát cho thấy dấu hiệu sản phẩm, hàng hóa không phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, có khả năng rủi ro mất an toàn hoặc vi phạm quy định pháp luật, cơ quan thực hiện khảo sát có trách nhiệm chuyển giao đầy đủ hồ sơ, kết quả cho cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Cơ quan kiểm tra quyết định việc tổ chức kiểm tra, hậu kiểm theo quy định tại Nghị định này.

3. Trách nhiệm của các đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực:

a) Tổ chức thực hiện hoạt động khảo sát chất lượng định kỳ hoặc đột xuất đối với nhóm sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý;

b) Phân tích, đánh giá kết quả khảo sát để cảnh báo rủi ro, phòng ngừa vi phạm và hoàn thiện chính sách quản lý chất lượng;

c) Chia sẻ dữ liệu khảo sát với cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

4. Đối với sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao, cơ quan kiểm tra thực hiện lấy mẫu định kỳ hoặc đột xuất thông qua Đoàn khảo sát tại các địa điểm sản xuất, kho chứa, điểm bán hàng hoặc địa điểm khác phù hợp yêu cầu quản lý nhằm tăng cường kiểm tra theo quy định.

### **Điều 30. Đoàn khảo sát**

Nội dung liên quan đến Đoàn khảo sát quy định tại Điều 92 Mục 3 Chương VI Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

**Chương III****TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC  
VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA****Điều 31. Trách nhiệm quản lý nhà nước của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công**

1. Tham mưu Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện chức năng đầu mối quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương:

a) Ban hành thông tư quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Bộ Công Thương;

b) Ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

c) Ban hành Kế hoạch kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

2. Tổng hợp tình hình kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa và báo cáo Lãnh đạo Bộ Công Thương.

3. Chủ trì thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo lĩnh vực được phân công.

4. Phối hợp với các Cục, Vụ quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Đầu mối phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành địa phương tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

6. Chịu trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

7. Thực hiện các nội dung khác khi được phân công.

**Điều 32. Trách nhiệm quản lý nhà nước của Cục, Vụ quản lý ngành, lĩnh vực**

1. Tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được phân công.

2. Xây dựng danh mục, hồ sơ sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao có yêu cầu quản lý, kèm theo mã HS phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chuyển Cục ĐCK để tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ ban hành.

3. Chỉ định và quản lý hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi được phân công quản lý; thu hồi quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp thuộc phạm vi được phân công quản lý trong trường hợp các tổ chức này vi phạm pháp luật.

4. Thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật;

6. Theo dõi, thống kê, tổng hợp tình hình quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa; tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn pháp luật; hỗ trợ tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tìm hiểu thông tin về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

7. Hằng năm xây dựng kế hoạch kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; gửi Cục Đồi mới sang tạo, Chuyên đồi xanh và Khuyến công để tổng hợp;

8. Phối hợp với Cục Đồi mới sang tạo, Chuyên đồi xanh và Khuyến công thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

9. Thực hiện các nội dung khác khi được phân công

### **Điều 33. Trách nhiệm quản lý nhà nước của Cục Thương mại điện tử và kinh tế số**

1. Bảo đảm chất lượng hàng hóa kinh doanh trên nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

2. Xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn, đo lường, và kê khai thông tin hộ chiếu số của sản phẩm thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; đảm bảo được tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia.

3. Thực hiện các nội dung khác khi được phân công

### **Điều 34. Trách nhiệm quản lý nhà nước của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước**

1. Xây dựng Thông tư về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

2. Thực hiện các nội dung quy định tại Điều 15

## **CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 35. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Các Thông tư dưới đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 46/2015/TT-BCT ngày 11 tháng 12 năm 2015 quy định kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

b) Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

### **Điều 36. Quy định chuyển tiếp**

1. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được các Bộ Công Thương cấp Quyết định chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp phục vụ quản lý nhà nước, tiếp tục được thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp cho đến hết thời hạn hiệu lực của Quyết định chỉ định kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với đơn, hồ sơ đăng ký chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp đã được cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa được giải quyết xong thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận đơn, hồ sơ

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn được viện dẫn trong Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

### **Điều 37. Trách nhiệm thi hành**

1. Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương, các tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu và các tổ chức đánh giá sự phù hợp sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, Bộ Công Thương đề xuất báo cáo Bộ trưởng hướng dẫn sửa đổi, bổ sung./.

#### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Tổng bí thư, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng TƯ và Ban của Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Viện KSND tối cao, Toà án ND tối cao;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
- Công báo;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Các BQL các KCN, KCX và KKT (36);
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng; các Thứ trưởng; Vụ Pháp chế; các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, PC, KHCN

#### **QUYỀN BỘ TRƯỞNG**

**Lê Mạnh Hùng**

**Phụ lục**  
**CÁC BIỂU MẪU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số ...../2025/TT-BCT  
ngày ... tháng ... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

Mẫu số 01	Biên bản đánh giá tổ chức đánh giá sự phù hợp sản phẩm, hàng hóa
Mẫu số 02	Mẫu Thông báo về việc không phù hợp của hồ sơ đăng ký chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp
Mẫu số 03	Mẫu Phiếu thẩm tra Hồ sơ đăng ký chỉ định

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP  
SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2019/TT-BCT ngày tháng năm 2019  
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

**BỘ CÔNG THƯƠNG  
ĐOÀN ĐÁNH GIÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .....tháng ....năm 20...

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ  
TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

**Phần I. Thông tin chung**

**1. Tên nhiệm vụ:** Đánh giá năng lực của Tổ chức tham gia hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với các sản phẩm hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

**2. Căn cứ pháp lý**

- Thông tư số ../2025/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương<sup>1</sup>;

- Thông tư số ../2025/TT-BCT ngày .... tháng ..... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa .....

- Quyết định số ../QĐ-BCT ngày .... tháng ... năm 20.... của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thành lập Đoàn đánh giá năng lực của ...<sup>2</sup>.

**3. Tổ chức tham gia hoạt động đánh giá sự phù hợp:**

- Tên tổ chức: .....<sup>3</sup>

- Địa chỉ: .....<sup>4</sup>

- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

**4. Thời gian và địa điểm:**

- Thời gian:..... ngày .... tháng ..... năm .....

- Địa điểm: .....<sup>5</sup>

**5. Lĩnh vực đăng ký:**

<sup>1</sup> Thông tư này

<sup>2</sup> Quyết định thành lập đoàn đánh giá năng lực

<sup>3</sup> Tên tổ chức đăng ký chi định

<sup>4</sup> Địa chỉ theo đăng ký kinh doanh

<sup>5</sup> Địa chỉ thực tế đánh giá

Thử nghiệm  Giám định  Chứng nhận  Kiểm định

### 6. Hình thức đánh giá:

Đánh giá lần đầu  Đánh giá lại  Đánh giá mở rộng

### 7. Thành phần Đoàn đánh giá:

TT	Họ và tên	Chức danh	Chuyên môn
1		Trưởng đoàn	
2		Phó trưởng đoàn	
3		Thành viên	
4		Thành viên	
5		Thư ký	

\* Vắng: ...

### 8. Thành phần Tổ chức đánh giá sự phù hợp

TT	Họ và tên	Chức danh
1		
2		
3		
4		

## Phần II: Nội dung làm việc

### 1. Nội dung làm việc của Đoàn đánh giá

- Thư ký đoàn đánh giá đọc Quyết định thành lập Đoàn đánh giá năng lực thực tế của ...

- Trưởng đoàn đánh giá năng lực thực tế điều hành, thông qua chương trình và phương pháp làm việc.

- Đại diện Tổ chức đánh giá sự phù hợp giới thiệu về thành phần tham gia và năng lực của tổ chức.

Các sản phẩm hàng hóa thực hiện sau:

TT	Tên sản phẩm	Quy chuẩn kỹ thuật	Đăng ký thực hiện
1			<input type="checkbox"/>

### 2. Đoàn đã đánh giá các nội dung sau:

#### 2.1 Hồ sơ đăng ký

- Các thành viên Đoàn đánh giá Hồ sơ đăng ký được tổng hợp tại Danh mục kèm theo Biên bản này.

- Kết luận: Đạt  Không đạt  Bổ sung

Các vấn đề cần bổ sung hoặc lý do không đạt:

.....  
 .....

## 2.2. Sự tuân thủ quy định pháp luật của tổ chức trong lĩnh vực đăng ký chỉ định

Đại diện Tổ chức đánh giá sự phù hợp báo cáo về tình hình tuân thủ hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với các sản phẩm hàng hóa đăng ký tại thời điểm đánh giá năng lực theo các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Đoàn đánh giá năng lực tiến hành xem xét hồ sơ đã thực hiện liên quan đến sản phẩm hàng hóa đã đăng ký (số lượng hồ sơ, quy trình thực hiện, kết quả thực hiện, ...)

- Kết luận: Đạt  Không đạt  Bổ sung

Các vấn đề cần bổ sung hoặc lý do không đạt:

.....  
 .....  
 .....

## 2.3 Quy trình thực hiện

- Các quy trình đánh giá được tổng hợp tại Danh mục kèm theo Biên bản này;

- Kết luận: Đạt  Không đạt  Bổ sung

Các vấn đề cần bổ sung hoặc lý do không đạt:

.....  
 .....  
 .....

## 2.3. Nhân lực

### 2.3.1 Kiểm tra hồ sơ

- Số nhân lực: ...

- Tiến hành kiểm tra hồ sơ các nhân lực tham gia việc đánh giá sự phù hợp bao gồm các tiêu chí: Chuyên môn, Nhiệm vụ được giao, Thời gian làm việc.

\* Kết luận phân hồ sơ: Đạt  Không đạt  Bổ sung

### 2.3.2 Kiểm tra thực tế

Kiểm tra ngẫu nhiên năng lực nhân viên trong hồ sơ để kiểm tra, đánh giá thực tế năng lực của nhân lực tham gia thực hiện đánh giá sự phù hợp:

TT	Tên nhân viên	Nhiệm vụ được giao	Nội dung đánh giá	Đánh giá

\* Kết luận về kiểm tra thực tế: Đạt  Không đạt

### 2.3.3 Kết luận chung về nhân lực

- Kết luận phân nhân lực: Đạt  Không đạt  Bỏ sung

Các vấn đề cần bổ sung hoặc lý do không đạt:

Tổng hợp chung về nhân lực tại Danh mục kèm theo Biên bản này.

### 2.4. Thiết bị

- Số lượng các thiết bị: ...

- Tình trạng hoạt động, kiểm định: ...

Tổng hợp chung về thiết bị tại Danh mục kèm theo Biên bản này.

Danh mục tài liệu, quy trình, thiết bị và nhân lực của tổ chức đánh giá sự phù hợp được liệt kê trong Danh mục kèm theo (xem Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019).

### Phần III: Kết luận chung

.....

Biên bản này được lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

**Đại diện đơn vị được đánh giá**  
(Ký và đóng dấu)

**Trưởng đoàn đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ, tên)

**Các thành viên trong đoàn đánh giá**

## DANH MỤC TÀI LIỆU, QUY TRÌNH, THIẾT BỊ VÀ NHÂN LỰC CỦA TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP

(Kèm theo Biên bản đánh giá)

### 1. Hồ sơ đăng ký

TT	Tên tài liệu	Số lượng	Mã số tài liệu
1	Giấy đăng ký chỉ định		
2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực		
3	Chứng chỉ công nhận năng lực		
4	Danh sách nhân sự		
5	Biểu mẫu kết quả		
6	Sổ tay hồ sơ chất lượng		

### 2. Quy trình thực hiện (Chứng nhận/ Giám định/ Thử nghiệm)

TT	Tên sản phẩm hàng hóa	Số lượng	Tên các quy trình thực hiện tương ứng
1	Lĩnh vực Chứng nhận		
2	Lĩnh vực Giám định		
3	Lĩnh vực Thử nghiệm		
4	Lĩnh vực kiểm định		

### 3. Hồ sơ nhân lực

#### a) Hoạt động chứng nhận/ Giám định/Kiểm định

TT	Danh sách nhân lực	Chuyên môn	Nhiệm vụ được giao	Kinh nghiệm đánh giá
1				

#### b) Hoạt động thử nghiệm

TT	Danh sách nhân lực	Chuyên môn	Hệ thống quản lý được đào tạo	Kinh nghiệm công tác	Loại HD đã ký
1					

### 4. Danh sách thiết bị

STT	Tên phương tiện	Thông số kỹ thuật	Tình trạng hiệu chuẩn/kiểm định	Thời hạn hiệu chuẩn	Mã số chế tạo thiết bị	Tình trạng thiết bị

**Mẫu Thông báo về việc không phù hợp của hồ sơ đăng ký chỉ định  
hoạt động đánh giá sự phù hợp**

**BỘ CÔNG THƯƠNG  
ĐƠN VỊ QUẢN LÝ  
NGÀNH, LĨNH VỰC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BCT-KHCN  
V/v thông báo về sự không  
phù hợp của hồ sơ đăng ký  
chỉ định hoạt động đánh giá  
sự phù hợp

*Hà Nội, ngày .... tháng .... năm 20...*

Kính gửi: ..... (Tổ chức ĐGSPH đăng ký chỉ định).

Ngày ... tháng ... năm 20..., ..... (đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực), Bộ Công Thương nhận được Đơn đăng ký chỉ định hoạt động chứng nhận/giám định/thử nghiệm/ đối với các sản phẩm hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương của ..... (đơn vị đăng ký chỉ định), địa chỉ: ..... Sau khi rà soát hồ sơ kèm theo đơn đăng ký, ..... (đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực) Bộ Công Thương có ý kiến sau:

Hồ sơ của ..... (Đơn vị đăng ký chỉ định) chưa đáp ứng quy định tại Thông tư số ..../2025/TT-BCT ngày ....tháng ....năm... của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương, bao gồm các nội dung sau:

- ..... (Mục ...);
- ..... (Mục ...);
- ..... (Mục ...);
- ..... (Mục ...).
- Chi tiết trong Phiếu thẩm tra Hồ sơ đăng ký chỉ định (gửi kèm theo Công văn này).

..... (đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực) Bộ Công Thương thông báo .....(đơn vị đăng ký chỉ định) biết, thực hiện theo đúng quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lưu: VT, KHCN.

**ĐƠN VỊ QUẢN LÝ NGÀNH, LĨNH VỰC**

**Mẫu Phiếu thẩm tra Hồ sơ đăng ký chỉ định**

1. Tên đơn vị đăng ký: .....
2. Thời gian nhận hồ sơ: .... tháng .... năm 20.... (Số Công văn đến ...)
3. Số lượng tài liệu: 01 bộ
4. Căn cứ đánh giá hồ sơ:
  - Thông tư số .../.../TT-BCT<sup>6</sup>;
  - ...<sup>7</sup>.
5. Hình thức cấp
 

Cấp mới:     Cấp bổ sung, sửa đổi:     Cấp lại:
6. Nội dung đánh giá

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu/ Số công văn	Số lượng	Đánh giá tính phù hợp của hồ sơ
<b>1</b>	<b><i>Đơn đăng ký chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp</i></b>			
<b>2</b>	<b><i>Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực</i></b>			
<b>3</b>	<b><i>Danh sách các nhân sự</i></b>			
<b>4</b>	<b><i>Danh mục tài liệu phục vụ đánh giá sự phù hợp</i></b>			
<b>5</b>	<b><i>Danh sách máy móc thiết bị</i></b>			
<b>6</b>	<b><i>Chứng chỉ công nhận năng lực</i></b>			

Sự phù hợp của hồ sơ:            Phù hợp             Chưa phù hợp

- Nội dung hồ sơ: Hồ sơ xin chỉ định hoạt động chứng nhận/ giám định/ thử nghiệm đối với các sản phẩm

- **Kết luận:** Hồ sơ phù hợp/chưa phù hợp theo quy định tại Thông tư số .../2019/TT-BCT.

Các nội dung chưa phù hợp bao gồm: Mục .....

<sup>6</sup> Thông tư này

<sup>7</sup> Văn bản quy phạm pháp luật liên quan; QCVN; TCVN đối với sản phẩm, hàng hóa cụ thể.